

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAO LÃNH
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 42/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 18/5/2018

V/v “Tranh chấp về hôn nhân và
gia đình - xin ly hôn và nuôi con”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa:* Ông Châu Văn Sang;
- *Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Phạm Phước Tâm;
2. Bà Võ Thị Điệp.
- *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Bà Phạm Thị Kim Yên – Thư ký
Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Trong ngày 18 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 78/2018/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 3 năm 2018 về việc “Xin ly hôn và nuôi con”. Theo Quyết định hoãn phiên tòa số: 83/2018/QĐHPT- ST ngày 11 tháng 5 năm 2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Trương Thị L, sinh năm 1990.
Địa chỉ: tổ 6, ấp 3, xã Tân Thanh, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.
- Bị đơn: Nguyễn Minh P, sinh năm 1986.
Địa chỉ: ấp 2, xã Mỹ Hiệp, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.
(Chị L có mặt, anh P vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI D VU ÁN:

Nguyên đơn chị Trương Thị L trình bày tại phiên tòa:

- Về hôn nhân: Chị L và anh Nguyễn Minh P chung sống có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Mỹ Hiệp, huyện Cao Lãnh vào ngày 17/12/2009.

Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, sau một thời gian thì xảy ra mâu thuẫn, bất đồng ý kiến trong gia đình làm cho khoảng cách vợ chồng ngày càng xa và vợ chồng đã ly thân sáu năm nay. Từ ngày xa nhau, vợ chồng đã nhiều lần hàn gắn tình cảm nhưng không thành. Hiện nay, chị và anh P đều có cuộc sống và kinh tế riêng, không ai còn quan tâm đến cuộc sống của nhau. Nay chị L nhận thấy không còn tình cảm với anh P nên chị L yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Minh P.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Thị Tường V, sinh ngày 23/10/2009 và Nguyễn Thị Mỹ D, sinh ngày 13/10/2011, hiện đang sống với anh P. Khi ly hôn chị L đồng ý để con chung cho anh P nuôi dưỡng, chị L tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung mỗi cháu là 650.000đồng/tháng đến khi con chung đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Vợ chồng không thiếu nợ ai, cũng không cho ai nợ.

Bị đơn anh Nguyễn Minh P đã được được tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án và được triệu tập xét xử hợp lệ nhưng không có văn bản ý kiến, không tham gia phiên hòa giải và không có mặt tại phiên tòa sơ thẩm.

** Các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án:*

- Giấy chứng minh nhân dân và sổ hộ khẩu của chị L (bản photo);
- Giấy khai sinh bản sao tên Nguyễn Thị Tường V, trích lục khai sinh con chung tên Nguyễn Thị Mỹ D;

- Trích lục kết hôn tên Trương Thị L và Nguyễn Minh P (bản sao);

Các tài liệu trong hồ sơ chị L thống nhất theo biên bản phiên họp công khai và tiếp cận chứng cứ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng:

Căn cứ vào trình bày của chị Trương Thị L, nội D đơn khởi kiện ngày 20/12/2017 của chị và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật tranh chấp là tranh chấp hôn nhân gia đình về xin ly hôn và nuôi con. Địa chỉ của bị đơn anh Nguyễn Minh P tại xã Mỹ Hiệp, huyện Cao Lãnh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh theo quy

định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh Nguyễn Minh P là bị đơn trong vụ kiện nhưng anh P vẫn cố tình vắng mặt không có lý do và cũng không có đơn yêu cầu xin xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh P để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự còn lại theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội D:

Chị Trương Thị L và anh Nguyễn Minh P chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại UBND xã Mỹ Hiệp vào năm 2009 nên hôn nhân của chị L và anh P là hợp pháp.

Thời gian đầu anh, chị chung sống hạnh phúc nhưng sau đó xảy ra mâu thuẫn, bất đồng ý kiến trong gia đình làm cho khoảng cách vợ chồng ngày càng xa và vợ chồng đã ly thân tính đến nay sáu năm. Từ ngày xa nhau, vợ chồng đã nhiều lần hàn gắn tình cảm nhưng không thành. Hiện nay, chị L và anh P đều có cuộc sống và kinh tế riêng, không ai còn quan tâm đến cuộc sống của nhau. Điều này cho thấy hôn nhân giữa anh chị không đạt được mục đích. Do đó, chị L yêu cầu được ly hôn với anh P thấy phù hợp nên chấp nhận.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Thị Tường V, sinh ngày 23/10/2009 và Nguyễn Thị Mỹ D, sinh ngày 13/10/2011, hiện đang sống với anh P. Tại phiên tòa chị L thống nhất để con chung cho anh P nuôi dưỡng. Chị L tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung mỗi cháu là 650.000đồng/tháng đến khi con chung đủ 18 tuổi. Xét thấy cháu Tường V, cháu Mỹ D đang sống với anh P để đảm bảo cuộc sống tinh thần, vật chất nên Hội đồng xét xử tiếp tục để anh P nuôi dưỡng 02 cháu. Trong suốt quá trình giải quyết vụ án anh P không có văn bản hay yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nhưng tại phiên Tòa chị L tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mức $\frac{1}{2}$ tháng lương cơ sở tại thời điểm cấp dưỡng thấy phù hợp với điều 82 Luật hôn nhân gia đình nên chấp nhận sự tự nguyện này. Và chị Trương Thị L có quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

- Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án xem xét nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề giải quyết.

- Về nợ chung: Vợ chồng không thiếu nợ ai, cũng không cho ai nợ.

- Về án phí:

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí - lệ phí Tòa án chị Trương Thị L phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân gia đình và 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm về cấp dưỡng, được khấu trừ vào 300.000đồng

tiền tạm ứng án phí mà chị L đã nộp theo biên lai thu tiền số 04203 ngày 01/3/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp. Chị L còn phải nộp tiếp 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 08, 09, 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử

- Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trương Thị L.
- Về hôn nhân: Chị Trương Thị L được ly hôn với anh Nguyễn Minh P.
- Về con chung:

Anh Nguyễn Minh P được tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Thị Tường V, sinh ngày 23/10/2009 và Nguyễn Thị Mỹ D, sinh ngày 13/10/2011. Chị L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi cháu bằng $\frac{1}{2}$ mức lương cơ sở tại thời điểm cấp dưỡng. Thời điểm cấp dưỡng được tính từ tháng 5/2018 đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Chị Trương Thị L có quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

- Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Vợ chồng không có nợ chung.

2. Về án phí sơ thẩm:

Chị Trương Thị L phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm về ly hôn và 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm về cấp dưỡng nhưng được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà chị L đã nộp theo biên lai thu tiền số 04203 ngày 01/3/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp. Sau khi khấu trừ chị L còn phải nộp tiếp 300.000 đồng.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm chị L được quyền làm đơn kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp. Riêng anh P được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Nơi nhận:

- VKSND HCL;
- Đương sự;
- Chi cục THADS HCL;
- UBND xã Mỹ Hiệp;
- Lưu HSVA.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Châu Văn Sang

